

Số: /GPMT

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 352/GPMT ngày 31/01/2024 của UBND tỉnh về việc cấp Giấy phép môi trường cho Bệnh viện đa khoa thành phố Hà Tĩnh địa chỉ 456 Hải Thượng Lãn Ông, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh;

Căn cứ Quyết định số 629/QĐ-UBND ngày 11/3/2024 của UBND tỉnh về việc thành lập Trung tâm Y tế thành phố Hà Tĩnh; Giấy phép môi trường số 352/GPMT ngày 31/01/2024 của UBND tỉnh cấp cho Bệnh viện đa khoa thành phố Hà Tĩnh;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2377/TTr-STNMT ngày 03/6/2024 (trên cơ sở đề xuất của Trung tâm Y tế thành phố Hà Tĩnh tại văn bản số 320/TTYT- KSNK ngày 17/5/2024 và tài liệu kèm theo); ý kiến thống nhất của các Thành viên UBND tỉnh qua Phiếu biểu quyết.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Trung tâm Y tế thành phố Hà Tĩnh (được thành lập theo Quyết định số 629/QĐ-UBND ngày 11/3/2024 của UBND tỉnh) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Trung tâm Y tế thành phố Hà Tĩnh” tại số 456 đường Hải Thượng Lãn Ông, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh với các nội dung sau đây:

1. Thông tin chung của Cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: “Trung tâm Y tế thành phố Hà Tĩnh”.

1.2. Địa điểm hoạt động: số 456 đường Hải Thượng Lãn Ông, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

1.3. Mã số thuế: 3000679524.

1.4. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của cơ sở: cung cấp dịch vụ y tế, thực hiện kỹ thuật chuyên môn theo quy định của pháp luật.

1.5. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Phạm vi: Trung tâm Y tế thành phố Hà Tĩnh hoạt động trên khu đất có diện tích 31.276,1 m² tại phường Thạch Quý, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Quy mô, công suất của Cơ sở: 250 giường bệnh.

- Các hạng mục công trình của Trung tâm Y tế, bao gồm:

* *Hạng mục công trình chính:*

- Nhà A: 01 nhà 4 tầng (gồm khoa khám bệnh và khám bệnh theo yêu cầu, khối phẫu thuật, khoa ba chuyên khoa, khối hành chính), diện tích 1.278m².

- Nhà B: 01 nhà 4 tầng (gồm khoa nhi, khoa sản phụ, khoa ngoại, khoa nội tổng hợp), diện tích 1.615m².

- Nhà C: 01 nhà 4 tầng (gồm khoa hồi sức cấp cứu, khoa chuẩn đoán hình ảnh, khoa dược, khoa phục hồi chức năng - đông y), diện tích 1.021m².

- Khoa dinh dưỡng: 01 nhà 1 tầng, diện tích 517m².

- Khoa truyền nhiễm: 01 nhà 1 tầng, diện tích 511m².

- Khu khử khuẩn, tiệt khuẩn: 01 nhà 1 tầng, diện tích 414m².

- Nhà tang lễ: 01 nhà 1 tầng, diện tích 135m².

* *Hạng mục công trình phụ trợ:*

- Nhà cầu (diện tích 297m²), nhà bảo vệ (diện tích 42m²), nhà để xe (diện tích 452m²).

- Đất bãi xe, đường nội bộ: 11.070 m².

* *Hạng mục công trình bảo vệ môi trường:*

- Khu xử lý chất thải, diện tích 497m², bao gồm: hệ thống xử lý nước thải tập trung và kho chứa chất thải rắn y tế.

- Đất cây xanh, tiểu cảnh: 13.427 m²

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Thực hiện các yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Trung tâm Y tế thành phố Hà Tĩnh (đơn vị đề xuất), Sở Tài nguyên và Môi trường (cơ quan thẩm định, đề xuất) chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh và các cơ quan liên quan về nội dung, số liệu báo cáo đề xuất tại các Văn bản nêu trên, đảm bảo thực hiện đúng quy định của pháp luật về môi trường và các quy định khác có liên quan.

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Trung tâm Y tế thành phố Hà Tĩnh sau khi được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường;

2. Có trách nhiệm:

+ Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

+ Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

+ Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải và sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

+ Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép..

Điều 4. Thời hạn của Giấy phép: kể từ ngày ban hành giấy phép này cho đến hết ngày 31 tháng 01 năm 2034.

Giấy phép môi trường số 352/GPMT, cấp ngày 31 tháng 01 năm 2024 hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 5. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Tĩnh (Phòng Tài nguyên và Môi trường), tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Trung tâm Y tế thành phố Hà Tĩnh theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (đề b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Phó VP/UB (phụ trách);
- Trung tâm Y tế thành phố Hà Tĩnh;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, NL₃.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hồng Lĩnh

Phụ lục 01

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT ngày / /2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

Nguồn phát sinh nước thải chủ yếu từ những nguồn:

- Nước thải y tế phát sinh từ hoạt động chuyên môn trong Trung tâm Y tế.
- Nước thải sinh hoạt của cán bộ, nhân viên, bệnh nhân và người nhà bệnh nhân.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận; nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Dòng nước thải

Các dòng nước thải (gồm: nước thải sinh hoạt từ bể tự hoại đặt ngầm dưới công trình và nước thải sinh hoạt từ hoạt động rửa tay chân, tắm giặt, khu vực nhà bếp...; nước thải y tế) chảy qua song chắn rác về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý rồi xả ra nguồn tiếp nhận.

2.2. Nguồn tiếp nhận, vị trí xả nước thải:

2.2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: sông Rào Cái, đoạn chảy qua tổ dân phố 9, phường Thạch Quý, thành phố Hà Tĩnh.

2.2.2. Tọa độ vị trí xả nước thải: $X(m) = 2029170$; $Y(m) = 0543384$ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°)

2.2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $300m^3/ngày$ đêm (tương đương $12,5 m^3/giờ$).

2.2.4. Phương thức xả nước thải: nước thải sau khi xử lý đạt Quy chuẩn được dẫn ra mương thoát nước chung dọc theo đường hiện trạng giáp phía Tây Trung tâm, sau đó chảy theo kênh T1 ra nguồn tiếp nhận sông Rào Cái theo phương thức tự chảy.

2.2.5. Chế độ xả nước thải: xả thải liên tục (24 giờ).

2.2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt Cột B (K=1,2), QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải y tế, cụ thể:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 28:2010/BTNMT (Cột B, K=1,2)
1	pH	-	6,5 – 8,5

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 28:2010/BTNMT (Cột B, K=1,2)
2	BOD ₅	mg/l	60
3	COD	mg/l	120
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8
6	Amoni (Tính theo N)	mg/l	12
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	60
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	12
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	24
10	Tổng Coliform	MNP/100ml	5000
11	Salmonella	mg/l	Không phát hiện
12	Shigella	mg/l	Không phát hiện
13	Vibro cholerae	mg/l	Không phát hiện

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải.

- Nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải từ quá trình đào thải của con người được thu gom vào các bể tự hoại đặt ngầm dưới các khu nhà để xử lý. Bể tự hoại có tổng dung tích 270m³, gồm 9 bể nhỏ, mỗi bể có dung tích 30m³, kích thước (4,8 x 2,5 x 2,5)m. Nước thải sau đó thoát theo ống PVC D110 rồi chảy vào đường ống PVC D300.

+ Nước thải từ hoạt động rửa tay chân, tắm giặt, khu vực nhà bếp... chảy qua song chắn rác tại vị trí phát sinh để loại bỏ cặn rác có kích thước lớn, sau đó thoát theo đường ống PVC (kích thước từ D110 - D200, dài 350m) rồi chảy vào đường ống PVC D300.

- Nước thải y tế: Phát sinh từ hoạt động chuyên môn của Trung tâm chảy qua song chắn rác tại các vị trí phát sinh để loại bỏ cặn rác có kích thước lớn, sau đó thoát theo đường ống PVC D150, dài 400m rồi chảy vào đường ống PVC D300.

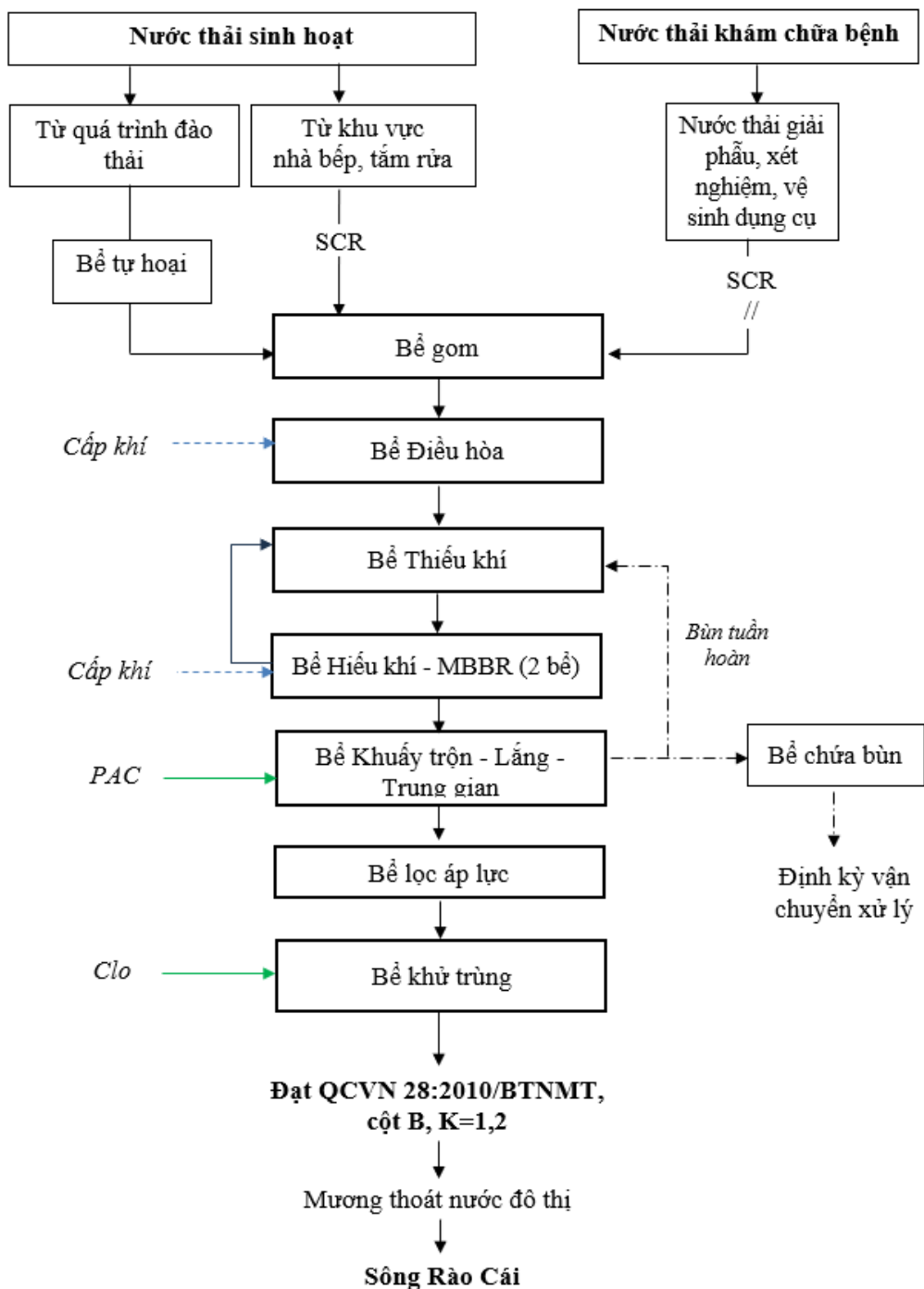
Toàn bộ nước thải sinh hoạt và nước thải y tế sau khi chảy vào đường ống PVC D300 dài 491m sẽ tự chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Công nghệ: Công nghệ sinh học thiếu - hiếu khí với giá thể di động.

- Công suất xử lý: 300 m³/ngày đêm.

- Sơ đồ quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung sau khi sửa chữa, cải tạo:



Thuyết minh quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung:

+ **Bể gom:** Toàn bộ nước thải Trung tâm sẽ qua song chắn rác để đi vào bể gom (rác có kích thước lớn sẽ được giữ lại, song chắn rác thường xuyên được thu gom rác để không bị tắc nghẽn); bể gom có thể tích 9,0 m³, kích thước (3,0 x 1,0 x 3,0)m, kết cấu BTCT.

+ **Bể điều hoà:** Nước thải sau khi qua bể gom chảy vào bể điều hoà; bể điều hoà có tác dụng ổn định nồng độ các chất ô nhiễm và xử lý sơ bộ. Tại bể điều hoà được cấp khí bằng hệ thống phân phối khí để khuấy trộn nước thải (tránh tạo điều kiện kỵ khí gây mùi thối) đồng thời ôxy hoá một lượng nhỏ các

chất hữu cơ trong nước thải. Bể điều hòa có thể tích 98,0 m³, kích thước (7,25 x 4,5 x 3,0)m, kết cấu BTCT.

+ Bể thiếu khí (Anoxic):

Nước thải được bơm từ bể điều hòa vào bể thiếu khí, tại đây sẽ diễn ra phản ứng khử nitrat và một phần COD, BOD. Quá trình hô hấp thiếu khí, khử nitrat, giải phóng N₂ bay lên nhờ hệ vi khuẩn P.denitrificans, B.licheniformis, Thiobacillus denitrificans, một phần COD được xử lý. Các hợp chất hữu cơ chứa photpho sẽ được hệ vi khuẩn Acinetobacter chuyển hóa thành các hợp chất mới không chứa photpho và các hợp chất có chứa photpho nhưng dễ phân hủy đối với chủng loại vi khuẩn hiếu khí. Trong bể lắp đặt máy khuấy chìm để khuấy trộn dòng nước ổn định, tạo môi trường cho vi sinh vật thiếu khí phát triển. Bể thiếu khí có thể tích 86,0 m³, kích thước (7,0 x 3,5 x 3,5)m, vật liệu composite.

+ Bể hiếu khí (Oxic - MBBR):

Nước thải từ bể thiếu khí chảy vào bể hiếu khí MBBR. Trong bể sử dụng vi sinh vật hiếu khí để hấp thụ oxy và chất hữu cơ (chất ô nhiễm) và sử dụng chất dinh dưỡng là Nitơ & Photpho trong nước thải để tổng hợp tế bào mới, CO₂, H₂O và giải phóng năng lượng.

Trong bể được thêm vào giá thể MBBR (Moving Bed Biofilm Reactor) để vi sinh vật dính bám sinh trưởng và phát triển. Trong bể này, không khí được cấp bởi máy thổi khí nhằm đảm bảo nồng độ oxy từ 2 - 4 mg/l, tạo điều kiện diễn ra quá trình oxy hóa sinh hóa hiếu khí các chất hữu cơ và quá trình nitrat hóa diễn ra. Kết quả là BOD trong nước thải giảm rõ rệt và amoni chuyển thành nitrat.

Khi hầu hết các chất hữu cơ trong bể hiếu khí được phân hủy, sản phẩm của quá trình có chứa NO₃⁻, do vậy một phần nước từ bể hiếu khí sẽ được tuần hoàn lại bể thiếu khí để xử lý nitơ có trong nước bằng hệ thống bơm tuần hoàn đặt ở cuối bể.

Bể hiếu khí có 2 bể, mỗi bể thể tích 86,0 m³, kích thước (7,0 x 3,5 x 3,5)m bằng vật liệu composite.

+ Bể khuấy trộn - lắng - trung gian:

Nước thải được bơm từ bể hiếu khí sang ngăn khuấy trộn. Tại đây bổ sung hóa chất trợ lắng để hình thành các bông cặn kích thước lớn. Sang ngăn lắng, nước từ ống trung tâm di chuyển xuống đáy bể với vận tốc rất nhỏ, dưới tác dụng của trọng lực, tấm lắng lamen các bông bùn, cặn sẽ lắng xuống đáy bể, nước sẽ di chuyển lên trên và được thu bằng hệ thống máng thu nước trên mặt bể chảy sang ngăn trung gian để ổn định nước thải. Lượng chất rắn lơ lửng sẽ giảm khoảng 80% - 85% kéo theo các loại tạp chất (bao gồm cả các thành phần chứa nitơ, photpho, chất hữu cơ,...). Căn cứ vào quá trình xử lý thực tế mà ta có thể tăng hoặc giảm lượng hóa chất trợ lắng tại giai đoạn này. Bùn hoạt tính được hệ thống bơm bùn đặt đáy bể bơm tuần hoàn về bể thiếu khí, phần bùn dư được

bơm về bể chứa bùn. Bể khuấy trộn - lắng - trung gian có ba ngăn bằng vật liệu composite, ngăn khuấy trộn có thể tích 12,25 m³, kích thước (2,0 x 1,75 x 3,5)m, ngăn lắng có thể tích 61,25m³, kích thước (5,0 x 3,5 x 3,5)m, ngăn trung gian có thể tích 12,25 m³, kích thước (2,0 x 1,75 x 3,5)m.

+ Bể lọc áp lực:

Nước thải từ ngăn trung gian được bơm sang hệ thống bồn lọc áp lực để xử lý những thành phần nhỏ còn sót lại trước khi sang bể khử trùng. Các chất rắn tan và không tan đều được giữ lại khi nước đi qua lớp vật liệu lọc, nước trở nên sạch hơn sau khi qua hệ thống. Sau mỗi chu kỳ lọc, cặn dính bám trên bề mặt lớp vật liệu trên cùng và chúng được lấy ra bằng phương pháp rửa ngược. Bể lọc áp lực có thể tích 5,1 m³, (đường kính 1,5m x chiều cao 2,9m) bằng vật liệu composite.

+ Bể chứa bùn: Phần bùn, cặn lắng ở ngăn lắng và từng ngăn xử lý sinh học được máy bơm bơm về bể chứa bùn, phần nước dư được tuần hoàn lại bể điều hòa. Tại bể chứa bùn, bùn cặn được phân hủy yếm khí và giảm đáng kể thể tích. Bùn thải định kỳ được hút lên đưa đi xử lý. Bể chứa bùn có thể tích 25,2 m³, kích thước (3,0 x 2,8 x 3,0)m, kết cấu BTCT.

+ Bể khử trùng:

Nước thải sau khi qua lọc áp lực được đưa sang bể khử trùng. Thời gian khử trùng khoảng 15-30 phút bằng Clo. Dưới tác dụng của Clo, các vi khuẩn có hại sẽ được xử lý trước khi nước thải được thải ra môi trường. Bể khử trùng có thể tích 31,0 m³, kích thước (3,0 x 2,95 x 3,5)m, kết cấu BTCT.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

** Đối với sự cố về điện hoặc do thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải tập trung bị hư hỏng:*

- Vận hành và bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên các máy móc thiết bị trong hệ thống như bơm chìm, máy khuấy, máy thổi khí,... theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp; đồng thời các thiết bị luôn có phương án dự phòng khi hoạt động; có nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung ghi chép đầy đủ theo quy định; nhân viên vận hành được đào tạo về vận hành hệ thống XLNT tập trung.

- Theo dõi sự ổn định của hệ thống, bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị, đồng thời tạo cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất nhằm sửa chữa kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố, tránh ảnh hưởng đến việc vận hành của hệ thống.

** Đối với sự cố tắc nghẽn dòng hồ đo lưu lượng nước thải:*

- Lựa chọn thiết bị ban đầu tốt, sử dụng đúng mục đích;
- Bổ sung thêm các thiết bị phụ trợ như lưới chắn rác, lọc,.. để hạn chế tình trạng rác thải, cặn bẩn,...;
- Khơi thông dòng chảy, làm sạch cặn bẩn bám vào cánh quạt của đồng hồ.

** Đối với sự cố do thao tác vận hành xử lý không đúng cách:*

- Điều chỉnh lượng khí, nhu cầu dinh dưỡng, hóa chất do thao tác vận hành xử lý không đúng cách;
- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn;
- Thực hiện nghiêm chỉnh các nội quy về an toàn lao động, hiểu biết và nắm rõ về các nguyên lý hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.
- Thường xuyên giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải để phát hiện sự cố kịp thời.

** Khi hệ thống xử lý nước thải không đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường:*

- Khóa van xả nước thải ra môi trường, thiết kế đường ống và bơm để tuần hoàn nước thải về lại bể điều hòa, trong trường hợp bể điều hòa không đủ lưu giữ, tiến hành lưu chứa tại các bể xử lý khác để tăng thời gian lưu.
- Báo cáo kịp thời cho cán bộ phụ trách và đề xuất phương án khắc phục. Việc hoàn thành sự cố sẽ được ưu tiên thực hiện sớm nhất để đưa hệ thống hoạt động bình thường trở lại, đảm bảo chất lượng nước thải đầu ra.
- Trường hợp sự cố nằm ngoài khả năng xử lý của cán bộ Trung tâm, cần liên hệ ngay với đơn vị có chức năng để tiến hành khắc phục một cách nhanh chóng nhất.
- Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải được tiếp tục xử lý đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật về môi trường nước trước khi xả ra môi trường tiếp nhận.
- Bố trí cán bộ phụ trách vận hành giám sát hệ thống xử lý nước thải tập trung và được đào tạo đáp ứng yêu cầu vận hành.
- Bố trí kinh phí hàng năm để vận hành và phòng ngừa, ứng phó, khắc phục các sự cố gây ô nhiễm nguồn nước có thể xảy ra.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: ngay sau khi hoàn thành việc cải tạo, sửa chữa hệ thống xử lý nước thải, dự kiến từ ngày 01/3/2024 đến ngày 01/9/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Mẫu nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải (tại bể thu gom nước thải tập trung). Tọa độ vị trí lấy mẫu: X (m) = 2029360, Y (m) = 0596231 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°).

- Mẫu nước thải đầu ra tại miệng ống thoát nước sau bể khử trùng. Tọa độ vị trí lấy mẫu: X (m) = 2029361; Y(m) = 596224 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo mục 2.2.6 Phần A phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: tối thiểu 04 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định hệ thống xử lý nước thải (ngày đầu tiên lấy 01 mẫu nước thải đầu vào và 01 mẫu nước thải đầu ra, từ ngày thứ 02 trở đi lấy 01 mẫu đầu ra/ngày).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thực hiện các trách nhiệm theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường và quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

3.2. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.4. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý môi trường tại địa phương; chuẩn bị nhân lực, trang bị các phương tiện cần thiết để sẵn sàng ứng phó, khắc phục sự cố gây ô nhiễm nguồn nước đồng thời báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép trong trường hợp có sự cố gây ô nhiễm nguồn nước do việc xả nước thải gây ra./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Phụ lục 02

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT ngày / /2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. NGUỒN PHÁT SINH TIẾNG ÒN:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn:

- Nguồn số 01: Hoạt động của các phương tiện giao thông và người ra vào Trung tâm;
- Nguồn số 02: Hệ thống xử lý nước thải tập trung;
- Nguồn số 03: Máy phát điện dự phòng;
- Nguồn số 04: Nhà tang lễ.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn:

- Nguồn số 01: Phát sinh phân tán nên không xác định được vị trí, tọa độ cụ thể.
- Nguồn số 02: Khu vực nhà điều hành xử lý nước thải tập trung. Tọa độ: X= 2029166; Y = 0545141 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°).
- Nguồn số 03: Khu vực nhà đặt máy phát điện dự phòng. Tọa độ: X= 2029537; Y= 0596202 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°).
- Nguồn số 04: phát sinh không thường xuyên.

3. Tiêu chuẩn tiếng ồn:

Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, cụ thể như sau:

Giá trị giới hạn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
65	65	tối thiểu 01 lần/năm	Các khoa phòng chức năng, hành chính, kế toán,.. của Trung tâm Y tế

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Quy định vận tốc tối đa của các phương tiện được phép ra vào khuôn viên Trung tâm.

- Thường xuyên bảo dưỡng (tra dầu, mỡ, vệ sinh) đảm bảo các thiết bị hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn; các máy thổi khí tại khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung bố trí đặt bên trong nhà có tường bao che và cửa ra vào kín; đối với máy phát điện được đặt trong nhà có tường bao che.

- Thiết lập các quy định về tiếng ồn trong khu vực Trung tâm Y tế, các khẩu hiệu nhắc nhở đi nhẹ, nói khẽ tại khu vực công cộng.

- Xây dựng tường rào Trung tâm Y tế cao, trồng cây dọc tường rào để hạn chế tiếng ồn từ bên trong khuôn viên ảnh hưởng đến khu dân cư gần Trung tâm Y tế.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Phụ lục 03
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT ngày / /2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường phải kiểm soát phát sinh:

- Chất thải y tế nguy hại:

TT	Tên chất thải	Ký hiệu phân loại	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Khối lượng ước tính (kg/tháng)
1	Chất thải lây nhiễm sắc nhọn	NH	Rắn	13 01 01	70,0
2	Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn	NH	Rắn		1.100
3	Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao	NH	Rắn/lỏng		440,0
4	Chất thải giải phẫu	NH	Rắn		120,0
5	Hóa chất thải bỏ hoặc có thành phần nguy hại	KS	Rắn/lỏng	13 01 02	16,0
6	Các thiết bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân (như nhiệt kế)	NH	Rắn	13 03 02	2,0
Tổng					1.748

- Chất thải nguy hại khác:

TT	Tên chất thải	Ký hiệu phân loại	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Khối lượng ước tính (kg/tháng)
1	Bóng đèn huỳnh quang hỏng	NH	Rắn	16 01 06	3,0
2	Pin - ắc quy thải	NH	Rắn	16 01 12	1,0

TT	Tên chất thải	Ký hiệu phân loại	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Khối lượng ước tính (kg/tháng)
3	Hộp chứa mực in có thành phần nguy hại	KS	Rắn	08 02 04	4,0
Tổng					8,0

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng ước tính
1	Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt thường ngày của nhân viên y tế, người bệnh, người nhà người bệnh, khách,...	3.700 kg/tháng
2	Hóa chất thải bỏ không có thành phần, tính chất nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại	935 kg/tháng
3	Vỏ chai, lọ đựng thuốc hoặc hoá chất, dụng cụ dính thuốc hoặc hoá chất không thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc không có cảnh báo nguy hại trên bao bì từ nhà sản xuất	
4	Vỏ lọ vắc xin thải bỏ không thuộc loại vắc xin bất hoạt hoặc giảm độc lực	
5	Chất thải sắc nhọn không lây nhiễm, không có thành phần, tính chất nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại	
6	Chất thải lây nhiễm sau khi đã xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường	
7	Bùn thải từ bể tự hoại	4,3 m ³ /tháng
8	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung không có thành phần, tính chất nguy hại vượt ngưỡng CTNH	1,2 m ³ /tháng
9	Bùn nạo vét hệ thống mương thoát nước mưa	0,15m ³ /tháng

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải y tế nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

* Chất thải y tế nguy hại:

Chất thải y tế nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của Trung tâm Y tế được phân loại, phân định, thu gom và lưu chứa theo hướng dẫn tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế và Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của UBND tỉnh ban hành Quy định về thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Tại khu vực lưu giữ chất thải nguy hại bố trí đủ các thùng chuyên dụng, mỗi thùng có dung tích khoảng 120 lít, có nắp đậy kín, dán nhãn cảnh báo chất thải nguy hại (01 thùng đựng chất thải nguy hại lây nhiễm sắc nhọn; 01 thùng đựng chất thải nguy hại lây nhiễm không sắc nhọn, 02 thùng đựng chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao, 02 thùng đựng chất thải nguy hại không lây nhiễm,...). Đối với chất thải giải phẫu (bệnh phẩm, nhau thai) được đựng trong hai lần túi buộc kín và được lưu giữ trong tủ bảo quản lạnh đặt ở khu vực lưu giữ.

* Chất thải nguy hại khác (bóng đèn huỳnh quang, pin, ắc quy và hộp mực in thải): Bố trí các thùng chuyên dụng, dung tích khoảng 60 lít, có nắp đậy kín, dán nhãn cảnh báo chất thải nguy hại để lưu chứa chất thải nguy hại khác.

2.1.2. Công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Vị trí: Chất thải y tế nguy hại và chất thải nguy hại khác được lưu giữ tại kho lưu chứa nằm ở phía Nam Trung tâm Y tế để lưu giữ tạm thời trước khi chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý.

- Diện tích kho chứa trong nhà: 15,0 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kết cấu cột dầm sàn bê tông cốt thép, hệ tường bao xung quanh bằng gạch xây kín, có mái che; nền đảm bảo không bị ngập lụt, tránh được nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.

- Biện pháp xử lý: Toàn bộ chất thải y tế nguy hại và chất thải nguy hại khác của Trung tâm Y tế được hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng để vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Toàn bộ chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình hoạt động của Trung tâm Y tế được phân loại, lưu chứa theo hướng dẫn tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế. Tại khu vực lưu giữ chất thải rắn thông thường bố trí các thùng chứa, mỗi thùng có dung tích khoảng 120 lít, có nắp đậy kín. Tại phòng chứa chất thải tái chế bố trí các thùng chứa chất thải thông thường được phép tái chế, mỗi thùng có dung tích khoảng 120 lít.

2.2.2. Khu vực lưu chứa:

- Vị trí, diện tích khu vực lưu chứa: Chất thải rắn thông thường được chứa tại 02 kho (01 kho chứa chất thải thông thường có diện tích 20,0m² và 01 kho chứa chất thải tái chế có diện tích 15,0 m²) nằm ở phía Nam Trung tâm Y tế để lưu giữ tạm thời trước khi chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý.

- Thiết kế, cấu tạo: Kết cấu cột dầm sàn bê tông cốt thép, hệ tường bao xung quanh bằng gạch xây kín, có mái che; nền đảm bảo không bị ngập lụt, tránh được nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.

- Biện pháp xử lý:

+ Chất thải rắn thông thường có khả năng tái chế được phép thu gom phục vụ mục đích tái chế theo quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế và chuyển giao cho cơ sở thu mua, tái chế theo quy định.

+ Chất thải sắc nhọn không lây nhiễm và chất thải thông thường khác (bao gồm: chất thải rắn sinh hoạt, bùn thải từ bể tự hoại và bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung sau khi phân định không có thành phần, tính chất nguy hại vượt ngưỡng CTNH) được hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

+ Bùn nạo vét hệ thống mương thoát nước mưa: Định kỳ tổ chức vệ sinh môi trường, nạo vét mương thoát nước và đưa vào khu vực trồng cây xanh trong khuôn viên Trung tâm Y tế.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. *Phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ:* Thực hiện đầy đủ các biện pháp PCCC theo hồ sơ thẩm duyệt PCCC của cơ quan chức năng và tuân thủ việc quản lý vận hành công trình, thiết bị theo đúng quy định.

2. *Phòng ngừa và ứng phó sự cố thiên tai, ngập lụt:*

- Theo dõi thường xuyên dự báo thời tiết để có thể nắm bắt chính xác diễn biến mưa, bão nhằm có phương án ứng phó kịp thời.

- Định kỳ trước mùa mưa bão, tiến hành kiểm tra sửa chữa, chằng chống các công trình.

- Kiểm tra, sửa chữa nạo vét hệ thống thoát nước thải, nắp đậy các hố ga, tránh hiện tượng sụt lún, nứt vỡ gây tắc nghẽn, ngập lụt cuốn theo nước bẩn ra môi trường xung quanh.

- Thành lập và duy trì các hoạt động của đội cứu hộ, đồng thời phối hợp với lực lượng phòng chống thiên tai địa phương trong những lúc cần thiết.

3. *Phòng ngừa, ứng phó sự cố về điện:*

Các thiết bị điện phải tính toán dây dẫn có tiết diện hợp lý với cường độ dòng, phải có thiết bị bảo vệ quá tải, đối với những khu vực nhiệt độ cao, dây điện phải đi ngầm hoặc được bảo vệ kỹ, ngắt cầu dao điện khi không có nhu cầu sử dụng, thường xuyên kiểm tra độ an toàn của các công tắc, thiết bị điện.

4. *Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khác:* Thực hiện theo các biện pháp đã nêu trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH